

Bản án số: 92/2025/DS-ST
Ngày: 19/5/2025
V/v: “Hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO, TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Liên

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung

Bà Đinh Tú Khoa

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Như Thảo - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Mỹ Tho.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho tham gia phiên tòa: Bà **Đặng Kiều My** – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 620/2024/TLST-DS ngày 05/12/2024 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2025/QĐXXST - DS ngày 27 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Mai Văn L, sinh năm 1977 (có mặt);

Địa chỉ: ấp G, N, huyện M, tỉnh Bến Tre .

Bị đơn: Ông Lưu Quốc K, sinh năm 1993 (có mặt);

Địa chỉ thường trú: F Đ, Phường D, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Địa chỉ liên lạc: F Ấp B, Phường E, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn ông Mai Văn L trình bày:

Dựa trên mối quan hệ bạn bè, ngày 07/02/2024 (tức 28/12/2023 âm lịch) ông Lưu Quốc K có nhắn tin hỏi vay ông 10.000.000 đồng và hứa mừng 10 tháng 01 năm 2024 (âm lịch) sẽ trả. Do tin tưởng nên ông đã cho vay bằng hình thức chuyển khoản chứ không làm biên nhận. Đến hạn, ông K không chuyển trả tiền cho ông như đã hứa. Từ đó đến nay sau rất nhiều lần ông đòi nhưng ông K cứ hứa mà không thấy trả.

Nay ông Mai Văn L yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc ông Lưu Quốc K phải trả cho ông Mai Văn L số tiền vay là 10.000.000 đồng ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn ông Lưu Quốc K trình bày:

Ông thừa nhận ngày 07/02/ 2024 (tức 28/12/2023 âm lịch) ông Mai Văn L có chuyển cho ông số tiền 10.000.000 đồng. Nhưng đây là tiền ông Lê T cho ông chứ không phải là cho vay. Sau khi chuyển vài ngày thì ông Lê C nhắn tin “*tiền 10.000.000 đồng là anh cho em luôn khỏi trả anh. Nếu em nghi ngờ có thể lưu tin nhắn này làm bằng chứng*”. Lần thứ 2 anh Lê N “*số tiền đó anh cho em đó*” nhưng ông im lặng không trả lời tin nhắn của ông L.

Nay với yêu cầu khởi kiện của ông L, ông K không đồng ý. Vì ông L đã nhắn tin nói cho ông rồi.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông Lưu Quốc K phải trả cho ông Mai Văn L số tiền vay là 10.000.000 đồng không yêu cầu tính lãi, trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật, phía bị đơn không đồng ý trả vì cho rằng số tiền trên ông L đã cho ông K rồi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho phát biểu quan điểm:
Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông Lưu Quốc K phải trả cho ông Mai Văn L số tiền vay là 10.000.000 đồng ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Ông Mai Văn L yêu cầu ông Lưu Quốc K số tiền vay là 10.000.000 đồng không yêu cầu tính lãi, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là “*Tranh chấp hợp đồng vay*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn có nơi cư trú tại thành phố M, tỉnh Tiền Giang, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu của ông Mai Văn L đòi ông Lưu Quốc K trả số tiền 10.000.000 đồng. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là thông tin “*chuyển khoản thành công*” ngày 07/02/2024 có nội dung “*tên người thụ hưởng Lưu Quốc Kha*” “*nội dung Mai Văn L1 chuyển tiền*” số tiền 10.000.000 đồng.

Tại tin nhắn có tên “Kha Tien G” do nguyên đơn cung cấp có nội dung “*e tính hỏi vay a 10tr. Viết giấy tờ lãi đầy đủ. E trả tiền cho người ta trong tết chứ giờ lương vậy mà nay 28 rồi sao a xoay được*” của ông K nhắn cho ông Lê N1 07/2/2024. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn cũng thừa nhận ông K có hỏi vay của ông Lê 1 đồng, và ngày 07/02/ 2024 ông L đã chuyển số tiền 10.000.000 đồng cho ông K. Như vậy, có đủ cơ sở xác định ngày 07/02/2024 ông Lê C cho ông K vay số tiền 10.000.000 đồng.

[2.2] Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn cho rằng số tiền 10.000.000 đồng trên là ông Lê cho ông chứ không phải hợp đồng vay. Chứng cứ chứng minh là các tin nhắn có nội dung của ông Lê N cho ông K ngày 12/4/2024 với nội dung “*số tiền 10tr e mượn a a cho e đó*” “*Tiền mượn 10tr là a cho e khỏi trả a. Nếu e nghi ngờ có thể lưu lại tin nhắn này làm bằng chứng nếu anh đòi*”. Lời trình bày trên của ông K được ông Lê thừa N2 nhưng ông L cho rằng đó chỉ là những lời nói bông đùa và khi ông Lê N như vậy thì ông K im lặng không trả lời.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông K cho rằng ông Lê T cho số tiền trên nhưng tại tin nhắn ngày 02/7/2024 ông K có nhắn “*e có vay có trả nên lúc trước a nt nói cho e tiền e đã không thêm quan tâm rồi*” tại biên bản đối chất ngày 17/3/2025 và tại phiên tòa ông K cũng thừa nhận ông Lê C nhắn tin nói cho ông số tiền trên nhưng ông K không thêm trả lời. Ngoài ra, ngày 07/02/2024, ông K có nhắn tin hỏi vay tiền ông Lê V nội dung “*e tính hỏi vay a 10tr. Viết giấy tờ lãi đầy đủ...*”; Những tin nhắn này đều được phía các đương sự thừa nhận là nhắn qua tin nhắn sim điện thoại và Z với tên Kha Tien G và Mai Van L1.

Căn cứ theo Điều 457 **Bộ luật Dân sự 2015** quy định về hợp đồng tặng cho tài sản như sau: “*Hợp đồng tặng cho tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên tặng cho giao tài sản của mình và chuyển quyền sở hữu cho bên được tặng cho mà không yêu cầu đền bù, bên được tặng cho đồng ý nhận*”.

Như vậy, ông K im lặng không trả lời tin nhắn ông Lê C1 số tiền trên thì đương nhiên hợp đồng tặng cho trên không có hiệu lực. Mặt khác, thời gian sau ông K còn hứa sẽ trả số tiền trên cho ông Lê. Như vậy có đủ cơ sở để khẳng định đây là hợp đồng vay chứ không phải tặng cho như phía bị đơn trình bày.

Qua xác minh, ngày 25/4/2025 Viễn thông T1 cho biết sim số điện thoại 0942.997.177 “*đăng ký tên chủ thuê bao là Lưu Quốc K sinh ngày 15/10/1993; Địa chỉ: F Đ, Phường D, thành phố M, tỉnh Tiền Giang*”.

Tại kết luận giám định ngày 09/5/2025 của Phòng K2 - Công an tỉnh T cung cấp nội dung tin nhắn giữa 02 số điện thoại 0937.743.388 (số anh L) và 0942.997.177 (số anh K) từ ngày 01/4/2024 đến 30/8/2024 có nội dung:

Ngày 10/4/2024 “*a đi về đi. E với a ko còn quan hệ gì nữa. Lãnh lương e chuyển tiền cho a ngay lập tức*”...

Ngày 02/7/2024 có nội dung “*ok để e chạy tiền trả cho a dứt khoát 1 lần. Từ nay về sau k ai nợ ai*”...

Ngày 02/7/2024 sau khi phía ông Lê Đ tiên thì ông K trả lời “e có vay có trả, nên lúc trước a nt nói cho e tiền e đã ko thèm quan tâm rồi. Rồi mấy lần e hỏi trả a nói từ từ cũng được....” “ok vậy để e chạy tiền trả cho a dứt khoát 01 lần. Từ nay về sau ko ai nợ ai”.

Ngày 05/7/2024 “trong tháng 7 e sẽ chuyển cho a...”

Ngày 05/7/2024 anh L nhắn tin cho anh K “a hỏi thật nè. Tiền e mượn a e chuẩn bị tới đâu rồi” “số tk: 0381000541024, N3, chi nhánh T2, chủ TK Mai Văn Lê nhé e!” phía anh K trả lời “ok a”.

Như vậy, có đủ cơ sở để khẳng định anh K có vay của anh L 10.000.000 đồng và đồng ý trả cho anh L nhưng từ khi vay đến nay anh K vẫn không trả.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự thì “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn*”. Như vậy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền vay 10.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc ông Lưu Quốc K phải trả cho ông Mai Văn L số tiền 10.000.000 đồng ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuy nhiên bà K1 là người cao tuổi và có đơn xin miễn tiền án phí nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92, Điều 91 và khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 357, 457, 463, 466 và 468 Bộ luật dân sự.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Buộc ông Lưu Quốc K phải trả cho ông Mai Văn L số tiền 10.000.000 đồng ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên

phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015

2. Về án phí:

Ông Lưu Quốc K phải chịu 1.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

H lại cho ông Mai Văn L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 5252 ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Cơ quan thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Mỹ Tho;
- CCTHADS TP Mỹ Tho;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Liên